TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH THẠNH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 01/2020/QĐST-HNGĐ	*Bình Thạnh, ngày 02 tháng 01 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Điều 212 và Khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84 và 110 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 2263/2019/TLST-VHNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Lê Đình C;

Địa chỉ: đường H, Phường N, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Đặng Thi Tuyết M;

Địa chỉ: đường H, Phường N, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 24/12/2019 người yêu cầu là ông Lê Đình C và bà Đặng Thi Tuyết M đã thỏa thuận được các nội dung như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Đình C và bà Đặng Thi Tuyết M thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Ông Lê Đình C và bà Đặng Thi Tuyết M cùng thống nhất xác định: Ông, Bà có 02 con chung tên Lê Đặng Kim K, sinh ngày 05/01/2000 đã thành niên khỏe mạnh bình thường và Lê Gia B, sinh ngày 24/02/2007.

Ông Lê Đình C và bà Đặng Thi Tuyết M cùng thống nhất thỏa thuận như sau: Giao con chung tên Lê Gia B, sinh ngày 24/02/2007 cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng, ông C cấp dưỡng nuôi con 17.000.000 đồng/tháng (Mười bảy triệu đồng một tháng), bắt đầu thi hành từ ngày 24/01/2020 đến khi con thành niên, thi hành tại Chi cục Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

Ông C có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung chưa thành niên. Vì quyền lợi của con khi cần thiết ông C hoặc bà M được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hay mực cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung: Ông Lê Đình C và bà Đặng Thi Tuyết M cùng thống nhất xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Ông Lê Đình C và bà Đặng Thi Tuyết M cùng thống nhất xác định không có nợ ai.

[5] Lệ phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, ông Lê Đình C và bà Đặng Thi Tuyết M phải đóng theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Đình C và bà Đặng Thi Tuyết M thuận tình ly hôn.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 15, quyển số 08 do Uỷ ban nhân dân phường X, thị xã Y, tỉnh Bến Tre cấp ngày 06/3/2000).

- Về con chung: Ông Lê Đình C và bà Đặng Thi Tuyết M cùng thống nhất xác định: Ông, Bà có 02 con chung tên Lê Đặng Kim K, sinh ngày 05/01/2000 đã thành niên khỏe mạnh bình thường và Lê Gia B, sinh ngày 24/02/2007.

Ông Lê Đình C và bà Đặng Thi Tuyết M cùng thống nhất thỏa thuận như sau: Giao con chung tên Lê Gia B, sinh ngày 24/02/2007 cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng, ông C cấp dưỡng nuôi con 17.000.000 đồng/tháng (Mười bảy triệu đồng một tháng), bắt đầu thi hành từ ngày 24/01/2020 đến khi con thành niên, thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ông C có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc và giáo dục con chung chưa thành niên. Vì quyền lợi của con khi cần thiết ông C hoặc bà M được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức tiền cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Ông Lê Đình C và bà Đặng Thi Tuyết M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông Lê Đình C và bà Đặng Thi Tuyết M cùng thống nhất xác định không có nợ ai.

2. Lệ phí dân sự sơ thẩm: Là 300.000 đồng, ông Lê Đình C và bà Đặng Thi Tuyết M phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí mà ông C và bà M đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0017314 ngày 05/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND TP.HCM
- VKSND Q. Bình Thạnh;
- Chi cục THADS Q. Bình Thạnh;
- UBND phường X,
  Thị xã Y, tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ, VP.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Linh Dũng